

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN K

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 38/2020/HS-ST

Ngày : 06/08/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Gia Khánh và ông Vũ Xuân Dục.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2020/TLST-HS ngày 10/07/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HS ngày 24/07/2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T; giới tính: Nam; sinh năm 1982 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Bố đẻ: Phạm Văn B sinh năm 1954; mẹ đẻ bà Hoàng Thị N sinh năm 1957; vợ Trần Thị T1, sinh năm 1990: Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Văn T2 sinh năm 1981 trú tại xóm 5, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng: ông Trần Văn T3, Nguyễn Đức K; anh Trần Văn D, Phạm Thanh H; chị Trần Thị T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 05/4/2020, Phạm Văn T ăn cơm uống rượu tại nhà bố vợ là ông Trần Văn T3 tại xóm 5, xã Q, huyện K. Khoảng 21 giờ, do say rượu nên chị Trần Thị T1, vợ của T chở T về nhà, tại nhà; T muốn chị T1 ngủ lại nhưng chị không muốn vì phải về nhà ông T3 để chăm con nhỏ mới sinh nên hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi nhau.

Khoảng 22 giờ, ông T3 không thấy chị T1 về nên gọi điện cho T, thì T nói là T1 đã về rồi cúp máy. Do khi gọi điện thoại cho T ông T3 nghe thấy tiếng chị Thủy trong điện thoại, sợ xảy ra sự việc nên ông nhờ anh Trần Văn Thành điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu bạc BKS 35A-11662 chở ông đi đón chị Thủy, lúc này anh Trần Văn D sinh năm 1989 con trai ông Thor cũng điều khiển mô tô đi theo.

Khi đến nơi anh T2 cho xe đậu ở đầu đường, ông T3 đi vào trước, các anh T2 và D đi vào sau. Khi ông T3 đi vào nhà thấy cổng khóa nên gọi nhưng không thấy ai trả lời, ông nhấc 01 cánh cổng khỏi bản lề đặt sang bên rồi cùng các anh T2 và D đi vào thì thấy T và T1 đã cãi nhau trong nhà nên ông cầm tay kéo T1 ra ngoài nhưng T giữ lại thì hai bên giằng co, xô đẩy nhau. Các anh T2 và D thấy vậy vào can đẩy T ra làm T bị ngã xuống nền nhà còn ông T3 đưa T1 đi.

Bực tức việc bị đẩy ngã nên T chạy xuống bếp lấy 01 con dao bài có cán bằng kim loại dài 38,5cm, bản rộng 6,8cm chạy ra ngoài đường đuổi đánh hai anh T2, D; khiến hai anh bỏ chạy về phía nhà văn hóa xóm 6, xã K; đuổi hai anh không được T quay lại thì thấy xe ô tô của anh T2 đang đậu ở đầu đường vào nhà mình nên đã dùng dao đập, chém nhiều cái vào xe ô tô BKS 35A-11662 làm vỡ kính chắn gió phía trước, vỡ 02 kính chắn gió phía sau bên trái, vỡ 02 tấm nhựa chắn nước của 02 kính chắn gió phía sau bên trái, vỡ 02 gương chiếu hậu phải, trái; trên thân xe có các vết xước, lõm phần vỏ xe và xước tróc sơn sau đó đi về nhà. Ngay sau khi sự việc xảy ra anh T2 đã đến công an xã K trình báo sự việc.

Vật chứng đã thu giữ gồm: xe ô tô BKS 35A-11662 cùng với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định và 01 con dao bài có cán bằng kim loại dài 38,5cm, bản rộng 6,8cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 11/HĐ-ĐG ngày 16/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, huyện Kim Sơn kết luận: Xe ô tô BKS 35A-11662 bị thiệt hại với tổng giá trị là 9.492.000đ.

Bị cáo Phạm Văn T đã bồi thường cho anh T2 9.492.000đ; anh T2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xe ô tô BKS 35A-11662 cùng với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định đã được cơ quan Công an huyện K trả lại cho anh T2 trong quá trình điều tra.

Cáo trạng số 41/CT – VKS – KS ngày 9 tháng 7 năm 2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1, Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

-Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 con dao bài có cán bằng kim loại dài dài 38,5cm, bản rộng 6,8cm. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội như nội dung vụ án Tòa án đã tóm tắt. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra còn phù hợp với người làm chứng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; còn được chứng minh bằng các vật chứng đã thu giữ và hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án là biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh xác định các hư hỏng của xe ô tô BKS 35A-11662 và 01 con dao bài có cán bằng kim loại dài dài 38,5cm, bản rộng 6,8cm là công cụ bị cáo sử dụng làm hư hỏng và bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 11/HĐ-ĐG ngày 16/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, huyện K kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô BKS 35A-11662 là 9.492.000đ.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ 45 ngày 05 tháng 04 năm 2020 tại khu vực xóm 6, xã K, huyện K, Phạm Văn T đã dùng dao đập, chém nhiều cái vào xe ô tô BKS 35A-11662 làm vỡ kính chắn gió phía trước, vỡ 02 kính chắn gió phía sau bên trái, vỡ 02 tấm nhựa chắn nước của 02 kính chắn gió phía sau bên trái, vỡ 02 gương chiếu hậu phải, trái; xước, lõm

phần vỏ xe và xước tróc sơn xe với tổng giá trị thiệt hại là 9.492.000đ. Hành vi đó của bị cáo đã phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ mình hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có biện pháp xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Phạm Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục thiệt hại tài sản cho bị hại. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Người bị hại là có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Do vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ điều 65 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 9.492.000đ cho Thành; anh Thành đã nhận tiền và không yêu cầu thêm gì về vấn đề trách nhiệm dân sự; Do vậy về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[6] trong quá trình điều tra Công an huyện K đã trả xe ô tô BKS 35A-11662 cùng với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định đã được cơ quan Công an huyện K trả lại cho anh T2 việc xử lý vật chứng nêu trên là có căn cứ phù hợp với pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với con dao bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 6 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Phạm Văn Thường cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình: tịch thu tiêu hủy 01 con dao bìa có cán bằng kim loại dài dài 38,5cm, bản rộng 6,8cm

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/05/2020), bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND, Công an huyện K.
- Chi cục THA dân sự huyện K.
- UBND xã K.
- Bị cáo; Bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh